

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8 bằng cách ghi lại chữ cái đầu câu trả lời đúng vào bài làm. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tập hợp A các số tự nhiên chẵn lớn hơn hoặc bằng 4 và nhỏ hơn 10 là

A. $A = \{4; 6; 8; 10\}$.

B. $A = \{6; 8\}$.

C. $A = \{4; 6; 8\}$.

D. $K = \{4; 6; 8\}$.

Câu 2. Số tự nhiên lớn nhất có ba chữ số chia hết cho 2 và 5 được ghép từ ba trong bốn chữ số 3; 7; 8; 0 là

A. 780.

B. 380.

C. 370.

D. 870.

Câu 3. Kết quả của phép tính $9^{12} : 9^{12}$ là

A. 9.

B. 1.

C. 9^{24} .

D. 0.

Câu 4. Cho tập hợp $A = \{x | x \in \mathbb{N}; 7 < x \leq 15\}$. Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

A. $7 \in A$.

B. $8 \notin A$.

C. $10 \notin A$.

D. $15 \in A$.

Câu 5. Số nào sau đây **không** là hợp số?

A. 2.

B. 12.

C. 6.

D. 9.

Câu 6. Số nào sau đây là ước của 16?

A. 8.

B. 10.

C. 11.

D. 12.

Câu 7. Cho hình thoi có độ dài hai đường chéo là 6 cm và 8 cm. Diện tích hình thoi là

A. 96cm^2

B. 24cm^2

C. 48cm^2

D. 28cm^2

Câu 8. Khẳng định nào sau đây **không đúng** về hình thoi

A. Hai cạnh đối bằng nhau.

B. Hai cạnh đối song song.

C. Hai đường chéo bằng nhau.

D. Hai đường chéo vuông góc với nhau.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1 (3 điểm): Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lý nếu có thể):

a) $615 + 146 + 254 + 385$

b) $37.24 + 76.37 - 200$

c) $150 : [39 - (10 - 7)^2 \cdot 2021^0]$

Bài 2 (1,5 điểm):

a) **(1,0 điểm)** Tìm số tự nhiên x , biết:

1) $x - 11 = 23$

2) $36 : (x - 5) = 3^5 : 3^3$

b) **(0,5 điểm)** Tìm số tự nhiên n để $(5n + 14)$ chia hết cho $(n + 2)$.

Bài 3 (1 điểm): Khối 6 của một trường THCS có 256 học sinh đi tham quan học tập tại khu di tích lịch sử Bạch Đằng Giang. Biết mỗi xe chở được 30 học sinh. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu xe để chở hết số học sinh đó?

Bài 4 (2,5 điểm):

a) **(0,5 điểm):** Hãy nêu đặc điểm về cạnh, góc của hình tam giác đều.

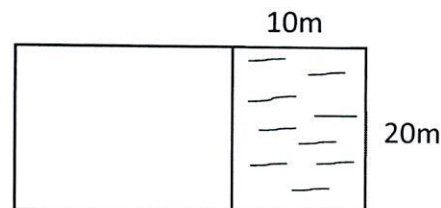
b) **(1 điểm):** Hãy vẽ hình vuông ABCD có độ dài cạnh $AB = 5\text{cm}$. Tính chu vi và diện tích hình vuông ABCD.

c) **(1 điểm):** Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài là 35m, chiều rộng là 20m.

1) Tính chu vi và diện tích khu vườn đó.

2) Nếu người ta đào một cái ao có chiều dài bằng chiều rộng khu vườn và chiều rộng là 10m (như hình vẽ) và diện tích phần còn lại người ta để trồng rau và làm lối đi.

Tính diện tích của phần còn lại?



----- HẾT -----

Học sinh không được sử dụng máy tính. Giáo viên không giải thích gì thêm.

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8 bằng cách ghi lại chữ cái đầu câu trả lời đúng vào bài làm. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tập hợp P các số tự nhiên lớn hơn 8 có thể viết là

A. $P = \{x | x \in \mathbb{N}; x < 8\}$

B. $P = \{x | x \in \mathbb{N}; x > 8\}$

C. $P = \{x | x \in \mathbb{N}; x \leq 8\}$

D. $P = \{x | x \in \mathbb{N}; x \geq 8\}$

Câu 2. Trong các số sau đây, số nào chia hết cho cả 3 và 5

A. 2015

B. 2010

C. 2022

D. 2022

Câu 3. Kết quả phép tính $6^3 \cdot 36$ là

A. 6^3

B. 6^4

C. 6^5

D. 6^6

Câu 4. Cho tập hợp $A = \{a; 1; b; 5\}$. Chọn khẳng định **đúng**.

A. $5 \in A$

B. $0 \in A$

C. $1 \notin A$

D. $a \notin A$

Câu 5. Số nào sau đây là số nguyên tố?

A. 2.

B. 21

C. 15.

D. 1

Câu 6. Số nào sau đây là bội của 7?

A. 1

B. 3

C. 49

D. 16

Câu 7. Chu vi của hình tam giác đều có độ dài cạnh 8cm là

A. 24cm

B. 24cm^2

C. 512cm

D. 512cm^2

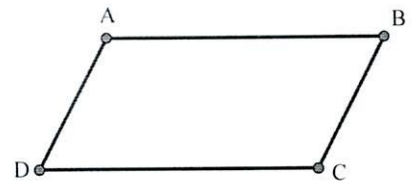
Câu 8. Cho hình bình hành ABCD. Nhận xét **đúng** là

A. $AB = AD$

B. $AD = BC$

C. $AB = BC$

D. $BC = CD$



II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1 (3 điểm): Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lý nếu có thể):

a) $525 + 120 + 475 + 380$

b) $123.34 + 66.123 - 300$

c) $170 : \{54 - [120 : 4 - (4^2 - 3 \cdot 2)]\}$

Bài 2 (1,5 điểm):

a) (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x , biết:

1) $35 - x = 17$

2) $2 \cdot x - 17 = 5^9 : 5^6$

b) (0,5 điểm) Tìm số tự nhiên $n > 0$ sao cho $3n + 13$ chia hết cho $n + 3$.

Bài 3 (1 điểm): Hội chữ thập đỏ ở một phường dự định tặng các suất quà cho các gia đình chịu thiệt hại do bão Matmo. Dự định mỗi gói quà tặng bao gồm 1 bao gạo giá 220 000đ/bao; 2 ki-lo-gram lạc giá 50 000đ/kg; 5 gói gia vị giá 5 000đ/gói, 2 chai dầu ăn giá 40 000/chai. Hỏi mỗi gói quà có tổng giá trị bao nhiêu tiền?

Bài 4 (2,5 điểm):

a) (0,5 điểm): Hãy nêu đặc điểm về cạnh, góc của hình vuông.

b) (1 điểm): Hãy vẽ hình chữ nhật ABCD có độ dài cạnh $AB = 4\text{cm}$ và $AD = 6\text{cm}$.

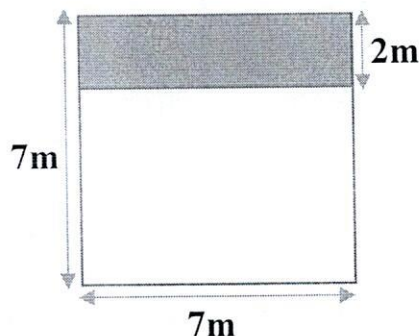
Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật ABCD.

c) (1 điểm): Một mảnh đất hình vuông có độ dài cạnh 7m như hình vẽ bên.

Người ta chia mảnh đất thành hai phần, phần tô đậm để làm ao thả cá, phần còn lại trồng cây ăn quả.

1) Tính chu vi và diện tích phần đất dùng để làm ao thả cá?

2) Biết rằng để trồng cây ăn quả, người ta phải thuê thợ trồng cây là 100 000 đồng cho 1m^2 đất. Hỏi người đó phải trả bao nhiêu tiền công trồng cây cho mảnh đất trên?



----- HẾT -----

Học sinh không được sử dụng máy tính. Giáo viên không giải thích gì thêm.

Mã đề 603

(Đề thi gồm 02 trang)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (2,0 điểm). Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8 bằng cách ghi lại chữ cái đầu câu trả lời đúng vào bài làm. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Tập hợp M các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 5 và nhỏ hơn 7 là

A. $M = \{5; 6; 7\}$.

B. $M = \{5; 6\}$.

C. $M = \{6; 7\}$.

D. $M = \{5; 7\}$.

Câu 2. Số tự nhiên nhỏ nhất có ba chữ số chia hết cho 3 được ghép từ ba trong bốn chữ số 4; 5; 3; 0 là

A. 305.

B. 354.

C. 345.

D. 304.

Câu 3. Kết quả của phép tính $3^2 \cdot 3^3$ là

A. 243.

B. 54.

C. 7776.

D. 3.

Câu 4. Cho tập hợp $A = \{x | x \in \mathbb{N}; 3 \leq x \leq 8\}$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $9 \in A$.

B. $8 \notin A$.

C. $10 \notin A$.

D. $2 \in A$.

Câu 5. Số nào sau đây là số nguyên tố?

A. 2.

B. 12.

C. 10.

D. 81.

Câu 6. Số nào sau đây là bội của 18?

A. 2.

B. 9.

C. 36.

D. 24.

Câu 7. Cho hình thoi có độ dài cạnh là 4 cm. Chu vi hình thoi là

A. 36cm.

B. 8cm.

C. 256cm.

D. 16cm.

Câu 8. Khẳng định nào sau đây không đúng về hình bình hành?

A. Hai cạnh đối bằng nhau.

B. Hai cạnh đối song song.

C. Hai đường chéo bằng nhau.

D. Hai góc ở hai đỉnh đối nhau bằng

nhau.

II. PHẦN TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Bài 1 (3 điểm): Thực hiện phép tính (bằng cách hợp lý nếu có thể):

a) $230 - 55 + 70 + 65$

b) $25 \cdot 20 + 20 \cdot 5 - 600$

c) $210 : [155 - (45 - 40)^3] + 2025^0$

Bài 2 (1,5 điểm):

a) (1,0 điểm) Tìm số tự nhiên x, biết:

1) $5 \cdot (x + 2) = 10$

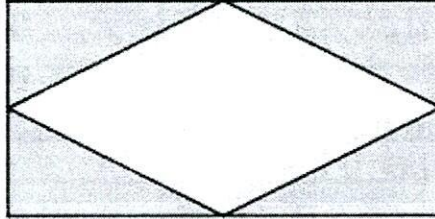
2) $2021 - 5 \cdot (x + 4) = 1^{2025}$

b) (0,5 điểm) Tìm số tự nhiên n để $2 \cdot n + 6$ chia hết cho $n + 1$.

Bài 3 (1 điểm): Một thư viện chuẩn bị bọc sách mới cho năm học. Thư viện có 845 cuốn sách cần bọc, mỗi hộp giấy bọc chỉ bọc được 25 cuốn sách. Hỏi thư viện cần ít nhất bao nhiêu hộp giấy bọc để bọc hết số sách trên?

Bài 4 (2,5 điểm):

- a) **(0,5 điểm):** Hãy nêu đặc điểm về các cạnh, đường chéo của hình thoi.
- b) **(1 điểm):** Hãy vẽ hình chữ nhật MNPQ có $MN = 9\text{cm}$, $NP = 4\text{cm}$. Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật MNPQ.
- c) **(1 điểm):** Một mảnh đất trong công viên hình chữ nhật có chiều dài 16 m và chiều rộng bằng nửa chiều dài.
- 1) Tính chu vi và diện tích của mảnh đất đó.
 - 2) Người ta dự định làm một giàn hoa bên trong mảnh đất đó có hình thoi (như hình vẽ dưới đây), phần đất còn lại sẽ trồng hoa quỳnh. Nếu mỗi mét vuông trồng được 8 cây hoa quỳnh, hỏi cần bao nhiêu cây hoa quỳnh để trồng hết phần đất còn lại đó?



----- HẾT -----

Học sinh không được sử dụng máy tính. Giáo viên không giải thích gì thêm.